

PHỤ LỤC CHI TIẾT GIÁ KHỞI ĐIỂM ĐỀ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐỐI VỚI 13 THỪA ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

(Kèm theo theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2026 của chủ tịch UBND xã Bình Lư , tỉnh Lai Châu)

STT	Tên khu đất	Vị trí	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Mã đất	Diện tích (m2)	Giá theo NQ 100/2025/NQ-HĐND của UBND tỉnh Lai Châu ngày 09/12/2025	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường tại Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Lai Châu	Hệ số điều chỉnh theo quy hoạch tại Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Lai Châu	Hệ số điều chỉnh theo yếu tố khác Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Lai Châu	Vị trí tiếp giáp 2 tuyến đường, phố trở lên	Giá khởi điểm	Ghi chú
1	Đường Võ Nguyên Giáp (Đoạn tiếp giáp đường 21/9 đến ngã ba tiếp giáp đường Trần Phú	VT1	19	1	ONT	139,6	3.300.000	1	1,1	1,1		557.422.800	
2	Đường Võ Nguyên Giáp (Đoạn tiếp giáp đường 21/9 đến ngã ba tiếp giáp đường Trần Phú	VT1	19	2	ONT	116,6	3.300.000	1	1,1	1,1		465.583.800	
3	Đường Võ Nguyên Giáp (Đoạn tiếp giáp đường 21/9 đến ngã ba tiếp giáp đường Trần Phú	VT1	19	3	ONT	117,1	3.300.000	1	1,1	1,1		467.580.300	
4	Đường Võ Nguyên Giáp (Đoạn tiếp giáp đường 21/9 đến ngã ba tiếp giáp đường Trần Phú	VT1	19	4	ONT	117,6	3.300.000	1	1,1	1,1		469.576.800	
5	Đường Võ Nguyên Giáp (Đoạn tiếp giáp đường 21/9 đến ngã ba tiếp giáp đường Trần Phú	VT1	19	5	ONT	117,1	3.300.000	1	1,1	1,1	1,2	561.096.360	2 mặt tiền (Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp và đường Trần Phú)
6	Đường Trần Phú (Đoạn tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến ngã ba tiếp giáp đường Lương Định Của)	VT1	19	6	ONT	155,7	2.800.000	1	1,1	1,1		527.511.600	
7	Đường Trần Phú (Đoạn tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến ngã ba tiếp giáp đường Lương Định Của)	VT1	19	7	ONT	188,3	2.800.000	1	1,1	1,1		637.960.400	
8	Đường Trần Phú (Đoạn tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến ngã ba tiếp giáp đường Lương Định Của)	VT1	19	8	ONT	220,6	2.800.000	1	1,1	1,1		747.392.800	
9	Đường Trần Phú (Đoạn tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến ngã ba tiếp giáp đường Lương Định Của)	VT1	19	9	ONT	162,6	2.800.000	1	1,1	1,1		550.888.800	
10	Đường Trần Phú (Đoạn tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến ngã ba tiếp giáp đường Lương Định Của)	VT1	19	10	ONT	125,8	2.800.000	1	1,1	1,1		426.210.400	
11	Đường Trần Phú (Đoạn tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến ngã ba tiếp giáp đường Lương Định Của)	VT1	19	11	ONT	123,0	2.800.000	1	1,1	1,1		416.724.000	
12	Đường Trần Phú (Đoạn tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến ngã ba tiếp giáp đường Lương Định Của)	VT1	19	12	ONT	120,6	2.800.000	1	1,1	1,1		408.592.800	
13	Đường Trần Phú (Đoạn tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp đến ngã ba tiếp giáp đường Lương Định Của)	VT1	19	13	ONT	145,0	2.800.000	1	1,1	1,1		491.260.000	
	Tổng cộng					1.849,6						6.727.800.860	